



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2
ACCREDITATION SCHEDULE, SECOND EXPANSION

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

Tiếng Anh/in English: TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 060 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Registered address:

Số 48, ngõ 194, phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 48, Lane 194, Doi Can Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi, Vietnam

Địa chỉ văn phòng/ Office address:

Số 25, nhà vườn 5, khu nhà ở Tổng Cục 5, Yên Xá, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 25, Garden House 5, General Department 5 Residential Area, Yen Xa, Thanh Liet Ward, Hanoi, Vietnam

Tel: +84 24 3225 2618 Email: ttp@ttpcert.com.vn

Website: <http://ttpcert.com.vn>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from / /2026 đến/ to 18/08/2029



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2
ACCREDITATION SCHEDULE, SECOND EXPANSION

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/*Product certification for the following scopes:*

Kim loại cơ bản và sản phẩm từ kim loại/ Basic metals and fabricated metal products

STT No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thép không gỉ/<i>Stainless steel:</i> 1. Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên; <i>Flat-rolled stainless steel products with a width of 600 mm or more;</i> 2. Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm; <i>Flat-rolled stainless steel products with a width of less than 600 mm;</i> 3. Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều; <i>Stainless steel bars and rods are hot rolled, irregularly wound in coils;</i> 4. Thép không gỉ ở dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác; <i>Stainless steel in the form of bars and rods; stainless steel in the form of angles, shapes and other profiles;</i> 5. Dây thép không gỉ; <i>Stainless steel wire;</i> 6. Ống bằng thép không gỉ; <i>Stainless steel pipe.</i>	QCVN 20:2019/BKHCN và sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN	TTP-QT-09-12	7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2
ACCREDITATION SCHEDULE, SECOND EXPANSION

Sản phẩm điện, điện tử / *Electrical and Electronic Products*

STT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Nồi cơm điện <i>Electric cooker</i>	QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1: 2016	TTP-QT-09-02	5;7
2	Bàn là điện <i>Electric iron</i>			
3	Lò vi sóng <i>Microwave oven</i>			
4	Lò nướng điện, vỉ nướng điện (loại di động) <i>Electric ovens, electric grills (portable type)</i>			
5	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng <i>Electric immersion water heater</i>			
6	Dụng cụ pha chè hoặc cà phê <i>Tea or coffee brewing equipment</i>			

Ghi chú/ *Note:*

- Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/
TTP Certification and Inspection Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.